TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2024/HS-ST
Ngày 23 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đăng Thiện

Ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tho Xuân, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 79/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2024,

Đối với bị cáo: **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 07 tháng 8 năm 1976 tại: xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Số thẻ Căn cước công dân: 038076018300, cấp ngày 19 tháng 4 năm 2023, Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội; Nơi cư trú: Số A T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị L; Có vợ là Lê Thị T1 và 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Lê Thị S, sinh năm 1948, Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (đã chết).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Thị S:*

1. Anh Đỗ Huy Đ, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

2. Anh Đỗ Huy T2, sinh năm 1983, địa chỉ: Khu phố C, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đỗ Huy Đ: Anh Đỗ Huy T2, sinh năm 1983, địa chỉ: Khu phố C, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Lê Văn B1, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ dân phố K, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

2. Anh Trịnh Ngọc H, sinh năm 1974; địa chỉ: Số nhà B L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 15 phút ngày 28/09/2024, Nguyễn Văn T điều khiển xe ôtô biển kiểm soát 36C-064.02 (loại xe tải có cần cẩu) chở theo nồi sơn để đi sơn vệt xe bus theo tuyến đường từ thành phố T lên huyện T. Ngồi trên xe có hai công nhân đi cùng là anh Trịnh Ngọc H (sinh năm 1974) trú tại phường Đ, thành phố T và anh Lê Văn B1 (sinh năm 1989) trú tại thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Đến 8 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Văn T điều khiển xe đến khu vực cầu H thuộc Quốc Lộ D, đoạn qua thôn F, xã X, huyện T (theo hướng thị trấn T đi xã X) thì phát hiện xe máy biển kiểm soát 36AA-451.63 do bà Lê Thị S điều khiển đang di chuyển cùng chiều phía trước. Cùng thời điểm đó T phát hiện một xe ôtô tải đi ngược chiều nên Nguyễn Văn T điều khiển xe để tránh, và tiếp tục điều khiển xe vượt qua xe máy biển kiểm soát 36AA-451.63. Tuy nhiên do khoảng cách quá gần, nên phần mặt ngoài bậc lên xuống bên phải ngoài ca – bin của xe ôtô do Nguyễn Văn T điều khiển va quyệt với mặt sau ngoài góc sau bên trái giá đỡ và ốp nhựa yên xe máy BKS 36AA-451.63 do bà Lê Thị S điều khiển. Khiến cho xe máy và bà Lê Thị S bị đổ ngã xuống đường. Nguyễn Văn T nghe tiếng "bục" một cái thì điều khiển xe ôtô tiến lên phía trước thêm khoảng 10 mét thì dừng xe lại. Ngay sau đó Nguyễn Văn T cùng anh H và anh B1 xuống xe để kiểm tra thì phát hiện xe máy biển kiểm soát 36AA-451.63 đang nằm đổ nghiêng trái trên mặt đường, sát với mép cầu, bà Lê Thị S bị tử vong tại chỗ.

Hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn tại đường Q, đoạn giữa cầu H thuộc Thôn F, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa có mặt đường rải nhựa phẳng rộng 07 mét, hai bên không có lề đường, tiếp giáp đường là lan can cầu cao 0,9 mét, hướng đường thẳng Bắc – Nam không bị che khuất tầm nhìn. Phía Bắc là hướng đường Q đi xã X, hướng Nam là hướng đường Q đi thị trấn T; phía Tây và phía Đ1 là hai bên lan can bảo vệ và sông C ở phía dưới.

Quá trình khám nghiệm hiện trường lấy cột điện thứ tư tính từ đầu cầu theo hướng thị trấn T ra đến giữa cầu H ở dọc vị trí lan can thành cầu ở phía Tây làm điểm cố định; Lấy mép lòng đường hướng Đông làm mép chuẩn.

Phát hiện, ghi nhận vị trí nạn nhân, phương tiện tang vật, dấu vết tại hiện trường theo số tự nhiên, lần lượt như sau:

- Số 01: Vết cà trượt không liên tục, kích thước (1,85x0,015)m.

- Số 02: Vết trượt màu đen không liên tục, kích thước (3,93x0,035)m.

- Số 03: Vết cà trượt liên tục kích thước (1,8 x0,005)m.

- Số 04: Vết màu và tổ chức cơ thể người trong diện (2,3x1,3)m.

- Số 05: Vị trí xe mô tô BKS 36AA-451.63.

- Số 06: Vị trí xe ô tô BKS 36C-064.02.

* Khám nghiệm phương tiện xe ôtô tải biển kiểm soát 36C-064.02 phát hiện các dấu vết:

- Ốp nhựa bậc lên xuống bên phải cabin gãy rời khỏi xe. Tại mặt ngoài giá bậc lên xuống bên phải cabin có các vết cà làm mòn nhựa, kim loại và sơn màu xanh không liên tục kích thước (26,5 x 5) cm, chiều hướng vết từ trước về sau. Vết cao cách mặt đất 60-65 cm;

- Mặt và má ngoài lốp trước bên phải tương ứng trên hàng chữ "DRC" có vết tỳ trượt làm rách bụi, mòn cao su kích thước (31x15)cm, chiều hướng vết từ ngoài vào tâm chếch ngược chiều chuyển động tiến, bề mặt vết in sọc mịn song song dạng vân vải. Vết cao cách mặt đất từ 00-80 cm.

Kiểm tra hệ thống chuyển hướng, hệ thống phanh và hệ thống đèn, còi, xinhan còn tác dụng.

* Khám nghiệm xe máy biển kiểm soát 36AA-451.63 phát hiện các dấu vết:

- Mặt sau ngoài góc sau bên trái giá đỡ và ốp nhựa yên xe có vết tỳ trượt, cà trượt làm mòn nhựa, mòn kim loại không liên tục, không rõ hình, kích thước (7,2x6)cm, chiều hướng vết từ phải qua trái chếch từ sau về trước, bề mặt vết bám dính chất màu xanh dạng sơn, vết cao cách mặt đất 66,2cm;

- Gương chiếu hậu bên trái bị gãy rơi. Tại mặt trước góc bên trái giỏ để hàng trước, mặt trước ngoài đầu mút tay nắm bên trái, mặt trước ngoài giá để chân trước bên trái, mặt trước ngoài ốp nhựa xinhan sau bên trái có các vết cà làm mòn kim loại, cao su, chiều hướng từ trước về sau, bề mặt vết bám dính bột đá.

Kiểm tra hệ thống chuyển hướng, hệ thống phanh và hệ thống đèn, còi, xi nhan còn tác dụng.

Ngày 28/9/2024 Cơ quan CSĐT Công an huyện T Trưng cầu Phòng PC09 Công an tỉnh T giám định pháp ý tử thi, xác định nguyên nhân chết của bà Lê Thị S. Ngày 11/10/2024 Phòng PC09 Công an tỉnh T bản kết luận số 3820/KLGĐTT-PC09, kết luận nguyên nhân chết: Đa chấn thương.

Ngày 30/09/2024 Cơ quan CSĐT Công an huyện T Trưng cầu Phòng PC09 Công an tỉnh T giám định dấu vết va chạm cơ học. Ngày 18/10/2024 Phòng PC09 Công an tỉnh T bản kết luận số 3935/KL-KTHS, kết luận:

- Điểm va chạm giữa hai phương tiện: Mặt ngoài bậc lên xuống bên phải ngoài ca – bin xe ô tô BKS 36C-064.02 (ảnh 5,6,7) với mặt sau ngoài góc sau bên trái giá đỡ và ốp nhựa yên xe máy BKS 36AA-451.63 (ảnh 13 đến 17).

- Tại thời điểm va chạm, hai phương tiện chuyển động cùng chiều, xe ô tô BKS 36C-064.02 ở phía sau bên trái và có tốc độ lớn hơn so với xe máy BKS 36AA-451.63.

- Vị trí va chạm giữa hai phương tiện nằm trước đầu vết cà (01), được thể hiện trong biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường, thuộc chiều bên phải hướng thị trấn T đi xã X.

- Không đủ cơ sở xác định tốc độ di chuyển của hai phương tiện vào thời điểm xảy ra va chạm.

Ngày 15/10/2024 Cơ quan CSĐT Công an huyện T trưng cầu V Bộ C giám định nồng độ cồn trong máu của bà Lê Thị S. Ngày 21/10/2024 V Bộ C ra bản kết luận số: 7960/KL-KTHS, kết luận: Trong mẫu máu ghi thu của bà Lê Thị S gửi giám định không tìm thấy ethanol (cồn).

Tiến hành đo nồng độ cồn, test ma túy đối với Nguyễn Văn T, kết quả: 0.00mg/l; âm tính với các loại ma túy.

** Về Đồ vật, tài liệu thu giữ, tạm giữ:* Đối với xe ôtô biển kiểm soát 36C-064.02, nhãn hiệu VINAXUKI; xe máy biển kiểm soát 36AA-451.63 nhãn hiệu CUPTHAI và các giấy tờ liên quan, sau khi làm rõ Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu và người đại diện hợp pháp của bị hại theo quy định.

** Về phần dân sự:* Ngày 12/10/2024 Nguyễn Văn T đã bồi thường cho gia đình nạn nhân Lê Thị S số tiền là 180.000.000 đồng. Đại diện gia đình nạn nhân không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Nguyễn Văn T.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKSTX ngày 02/12/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Về phần dân sự: Bị cáo T xác định đã tự nguyện bồi thường cho gia đình nạn nhân Lê Thị S được số tiền 180.000.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Thị S là anh Đỗ Huy T2 vắng mặt tại phiên tòa, lời khai trong hồ sơ thể hiện: Xác nhận sau tai nạn, bị cáo T đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho gia đình nạn nhân Lê Thị S số tiền là 180.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị hại, có ý kiến không yêu cầu bồi thường gì thêm và có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

- Về hình phạt chính: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 13 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 26 đến 30 tháng.

- Hình phạt bổ sung: Không.

- Về xử lý vật chứng: Không.

- Về phần dân sự: Không xem xét.

- Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo Nguyễn Văn T không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo xin được giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa hôm nay, là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản khám nghiệm phương tiện; Biên bản khám nghiệm tử thi; Kết luận giám định pháp y tử thi; Kết luận giám định dấu vết va chạm cơ học, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 28/09/2024 Nguyễn Văn T (có giấy phép lái xe ô tô theo quy định) điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 36C-064.02 di chuyển theo hướng thị trấn T đi xã X. Khi đến khu vực gần giữa cầu H (thuộc thôn F, xã X, huyện T) thì phát hiện bà Lê Thị S điều khiển xe máy biển kiểm soát 36AA-451.63 di chuyển cùng chiều ở liền trước, đồng thời T phát hiện một ôtô tải đang di chuyển ngược chiều đến. Do chủ quan và vượt xe không đảm bảo quy định, không giảm tốc độ nên đã để xe ôtô va chạm với xe máy biển kiểm soát 36AA-451.63 do bà Lê Thị S điều khiển. Hậu quả làm bà Lê Thị S tử vong tại chỗ do đa chấn thương.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Văn T đã phạm vào khoản 11, 23 Điều 8; khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 14 Luật giao thông đường bộ, gây hậu quả làm

chết 01 người. Do đó, hành vi của Nguyễn Văn T đã phạm vào tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng. Vụ tai nạn giao thông xảy ra, đã gây ra hậu quả tang thương, làm chết 01 người, mặc dù là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo, nhưng đã gây nên những mất mát, nỗi đau nặng nề đối với gia đình và người thân của nạn nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ, đồng thời gây mất trật tự trị an, làm ảnh hưởng đến sự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân khi tham gia giao thông. Do vậy, cần phải xử lý vụ án nghiêm minh, nhằm giáo dục đối với bị cáo về ý thức chấp hành pháp luật nói chung và ý thức tuân thủ quy tắc về giao thông nói riêng; đồng thời đây cũng là bài học cảnh tỉnh đối với người dân khi tham gia giao thông.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn T có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho gia đình người bị hại được số tiền 180.000.000 đồng; Ngoài ra, bị cáo T có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự 02 năm 06 tháng và được người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy:

Bị cáo Nguyễn Văn T nhất thời phạm tội do lỗi vô ý; có nhân thân tốt; được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, đồng thời giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý, giám sát, giáo dục theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, là phù hợp. Như vậy cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền là 180.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm về phần dân sự, nên không xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án và các tài liệu, đồ vật tạm giữ: Đối với xe ôtô biển kiểm soát 36C-064.02, nhãn hiệu VINAXUKI; Xe máy biển kiểm soát 36AA-451.63, nhãn hiệu CUPTHAI và các giấy tờ liên quan, sau khi làm rõ Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu và người đại diện hợp pháp của bị hại, là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293; khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 14 (mười bốn) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 28 (hai mươi tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại:
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Tiến